PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Dạng 1. Cấu tạo nguyên tử, hạt nhân nguyên tử

Câu 1. Phát biểu nào sau đây **sai**:

A. Số hiệu nguyên tử bằng điện tích hạt nhân nguyên tử

B. Số proton trong nguyên tử bằng số nơtron

C. Số proton trong hạt nhân bằng số electron ở lớp vỏ ngtử.

D. Số khối của hạt nhân nguyên tử bằng tổng số hạt proton và tổng số hạt nơtron.

Câu 2. Khi nói về số khối, điều khẳng định nào sau đây luôn đúng?

Trong nguyên tử, số khối:

A. bằng tổng khối lượng các hạt proton và nơtron

B. bằng tổng số hạt các hạt proton và nơtron

C. bằng nguyên tử khối

D. bằng tổng các hạt proton, nơtron và electron

Câu 3. Nguyên tố hiđro trong tự nhiên có bao nhiêu đồng vị?

A. 1 B. 2

C. 3 D. 4

Câu 4. Số nơtron trong nguyên tử $^{23}_{11}Na$ là:

A.11 B. 23

C. 34 D. 12

Câu 5. Một nguyên tử M có 17 electron và 20 nơtron. Kí hiệu của nguyên tử M là:

A. $^{20}_{17}M$ B. $^{17}_{20}M$

C. $^{17}_{37}M$ D. $^{37}_{17}M$

Câu 6. Ký hiệu nguyên tử $^{A}_{Z}X$ cho ta biết những gì về nguyên tố hoá học X?

A. Chỉ biết số hiệu nguyên tử

B. Chỉ biết số khối của nguyên tử

C. Biết khối lượng nguyên tử trung bình

D. Biết số proton, số nơtron, số electron

Dạng 2. Bài toán về các hạt

LIVEWORKSHEETS

Câu 7. Nguyên tử X có tổng số hạt là 52 và có số khối là 35. Điện tích hạt nhân của nguyên tử X là:

A. 17 B. 18

C. 34 D. 35

Câu 8. Tổng số hạt proton, nơtron và electron của một nguyên tử X là 34 hạt. Trong đó hạt mang điện dương ít hơn hạt không mang điện là 1. Tìm số khối của X?

A. 11 B. 23

C. 35 D. 46

Dạng 3. Bài toán về đồng vị

Câu 9. Nguyên tố cacbon có hai đồng vị bền: ${}^{12}_{6}C$ chiếm 98,89% và ${}^{13}_{6}C$ chiếm 1,11%. Nguyên tử khối trung bình của ngtố cacbon là:

A. 12,500 B. 12,011

C. 12,022 D. 12,055

Câu 10. Nguyên tử khối trung bình của Clo là 35,5. Clo trong tự nhiên có 2 đồng vị là ${}^{35}_{17}Cl$ và ${}^{37}_{17}Cl$. Thành phần phần trăm số nguyên tử của đồng vị ${}^{35}_{17}Cl$ là:

A. 50 % B. 45 %

C. 75 % D. 25 %

LIVEWORKSHEETS